

BÁO CÁO TÓM TẮT
Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020
của ngành tài nguyên và môi trường

Phần thứ nhất: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Bước vào năm 2019, với quyết tâm tạo đột phá, phát huy nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) cho phát triển bền vững, ngành tài nguyên và môi trường đã xây dựng Chương trình hành động của ngành, đặt ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể hoá các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bám sát phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả” để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra; dự báo sát các xu thế, nhận diện, xử lý kịp thời các khó khăn phát sinh từ thực tiễn; đổi mới cách nghĩ, cách làm, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; tăng cường công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật tạo sự chuyên biến rõ nét, thực chất trên các lĩnh vực và trong phạm vi cả nước.

1. Tập trung triển khai thực hiện các khâu đột phá chiến lược

1.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tăng cường kỷ cương, khơi thông các điểm nghẽn, thúc đẩy giải phóng các nguồn lực tài nguyên cho tăng trưởng, thắt chặt bảo vệ môi trường (BVMT) cho phát triển bền vững. Trình ban hành các cơ chế, chính sách tháo gỡ ngay những vướng mắc về đất đai, khoáng sản, biển và hải đảo để tiếp tục khơi thông các nguồn lực tài nguyên, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao tỷ trọng đóng góp cho ngân sách nhà nước. Thiết lập hành lang pháp lý cho thống nhất quản lý đo đạc bản đồ; chuyên đổi phương thức quản lý theo hướng chủ động phòng ngừa, tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về TN&MT ngay trong quá trình triển khai dự án, kiểm soát chặt chẽ phế liệu nhập khẩu để BVMT cho phát triển bền vững. Đồng thời, chủ động đề xuất các đề án thí điểm đối với những vấn đề mới; sơ kết, tổng kết các chủ trương chính sách, pháp luật trên cơ sở đó Bộ Chính trị, Quốc hội ban hành các Kết luận chỉ đạo, Nghị quyết giám sát và sửa đổi 02 Bộ luật quan trọng là Luật bảo vệ môi trường và Luật đất đai. Trình Chính phủ 02 đề án lập nhiệm vụ quy hoạch quốc gia và 05 nhiệm vụ lập quy hoạch ngành để phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, BVMT cho giai đoạn phát triển mới.

1.2. Tập trung xây dựng hạ tầng thông tin địa lý; tích hợp, liên thông các dữ liệu TN&MT nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử. Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình, không gian địa lý quốc gia thống nhất trên đất liền,

vùng biển và hải đảo. Xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám, siêu dữ liệu viễn thám quốc gia; cung cấp dịch vụ định vị phủ trùm cả nước với độ chính xác cao. Ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử của ngành phiên bản 2.0. Hoàn thiện, vận hành các cơ sở dữ liệu TN&MT quốc gia, chuyên ngành (đất đai, môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước...) kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan và các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

1.3. Thúc đẩy cải cách hành chính, tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ gắn tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiện toàn bộ máy của ngành. Với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ, ngành đã tập trung cải cách hành chính từ thể chế sửa đổi, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, xây dựng hành lang pháp lý cho giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai. Nhiều tỉnh không có hồ sơ chậm muộn quá hạn, hoặc tỷ lệ quá hạn dưới 0,5%. Chỉ số tiếp cận đất đai tăng **0,27** điểm, tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải chi trả chi phí không chính thức khi làm thủ tục về đất đai đã giảm **10,7%**, tỷ lệ người dân phản ánh có bôi trơn trong làm thủ tục cấp giấy chứng nhận giảm **29%** so với năm 2016; chỉ đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS) đối với dịch vụ công về đất đai, môi trường tăng đều qua 3 năm.

Công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ tiếp tục được đổi mới, nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã phát huy giá trị trong thực tiễn. Hợp tác, hội nhập quốc tế được mở rộng trên đất cả các lĩnh vực quản lý. Chỉ đạo điều hành của ngành đã thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành. Toàn ngành đã thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động mô hình tổ chức; phân cấp quản lý để kiện toàn tổ chức. Nhiều địa phương đã chuyển dần mô hình tổ chức dịch công thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo minh bạch, tái đầu tư cho ngành, trong đó trong 3 năm qua các Văn phòng đăng ký đất đai đã thu 3.857 tỷ đồng.

2. Tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật, đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc từ thực tiễn. Trong 3 năm từ 2017 - 2019 đã tiến hành 6.497 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 20.709 tổ chức; qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi **16.928** ha đất, xử phạt vi phạm, truy thu **368** tỷ đồng. Trong đó, riêng năm 2019, đã tiến hành 1.254 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 5.600 tổ chức, cá nhân; xử phạt vi phạm hành chính, truy thu 82 tỷ đồng, thu hồi 1.484 ha đất. Toàn ngành đã tiếp nhận xử lý hơn 11 nghìn lượt đơn thư (giảm 9,34% so với năm 2018).

3. Công tác quản lý tài nguyên có nhiều chuyển biến, các tồn tại hạn chế đang từng bước được khắc phục, nguồn lực tài nguyên đang được phát huy cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

3.1. Công tác quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường, nguồn lực đất đai tiếp tục là nguồn lực quan trọng cho phát triển đất nước. Ngành đã xây dựng chương trình hành động và tập trung triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 82/2019/QH14 của Quốc hội, tăng cường hiệu quả thực thi

pháp luật, xử lý hơn 1.300 dự án chậm triển khai với diện tích 18.844 ha; tháo gỡ các vướng mắc về chính sách, quy hoạch để đưa đưa nguồn lực đất đai vào phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, thúc đẩy tiến độ các dự án phát triển hạ tầng, dự án phát triển kinh tế trọng điểm của quốc gia. Chuyển dịch 24,5 nghìn ha đất cho cho phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, nhà ở, đưa 43,6 nghìn ha đất chưa sử dụng vào sử dụng. Triển khai kiểm kê đất đai trên phạm vi cả nước, triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành cấp GCN với 97,36% diện tích cần cấp giấy; đưa vào vận hành 165/713 cơ sở dữ liệu đất đai. Nguồn thu từ đất trong 11 tháng đầu năm đạt trên 172,65 nghìn tỷ đồng, chiếm 11% thu ngân sách nội địa.

3.2. Tập trung triển khai công tác điều tra cơ bản phục vụ lập quy hoạch, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên nước, đảm bảo an ninh nguồn nước, điều tiết hài hòa nguồn nước phục vụ đa mục tiêu. Đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; triển khai lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình; quản lý tài nguyên nước theo các lưu vực sông lớn. Hoàn thành việc điều chỉnh, bổ sung tất cả các quy trình về vận hành liên hồ chứa, tổ chức giám sát việc vận hành bằng công nghệ tự động, điều tiết nguồn nước phục vụ đa mục tiêu, giảm thiểu thiệt hại trước tình trạng hạn hán kéo dài. Đẩy mạnh kinh tế hoá, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đạt đến nay đạt 9.354 tỷ đồng, trong đó số thu năm 2019 là **1.165** tỷ đồng. Thực hiện nội dung tham vấn đối với các Dự án thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Công và chủ động trong các đối sách của Việt Nam; xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp cho ĐBSCL.

3.3. Tăng cường điều tra xác định các tiềm năng khoáng sản chiến lược, phát huy nguồn tài nguyên khoáng sản cho phát triển. Xác định nhiều khu vực có tiềm năng khoáng sản mới (chì - kẽm, đá ốp lát, sheelit, khoáng hóa, khoáng chất công nghiệp, đá bán quý, sulphur đa kim... ở khu vực Tây Bắc), nhiều giá trị về địa chất (công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh, công viên địa chất Đắk Nông). Tiềm năng địa chất, khoáng sản đã được chuyển hóa thành nguồn lực và đóng góp 0,2 điểm cho tăng trưởng chung¹, tính từ ngày 01/01/2014 đến nay tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt của cả nước là 50.909 tỷ đồng, trong đó riêng năm 2019 là 2.381 tỷ đồng. Tổng số tiền đã thu là 24.513 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 4.780 tỷ đồng.

3.4. Tập trung triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, giải quyết tháo gỡ các vướng mắc để phát huy các lợi thế trong phát triển kinh tế biển. Xây dựng trình Chính phủ Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII số 36/NQ-TW về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Xây dựng nhiệm vụ Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc về giao khu vực biển, nhận chìm ở biển,... để thúc đẩy

¹ Trong 10 tháng đầu năm khu vực khai khoáng tăng trưởng 1,2% (cùng kỳ năm 2018 giảm 2,3%)

khai thác tiềm năng cho phát triển kinh tế biển, các vùng biển, trở thành khu vực phát triển năng động, một số tỉnh, thành phố đã trở thành cực tăng trưởng mới như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh,....

4. Công tác quản lý, BVMT đã có những chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động. Chính sách pháp luật về BVMT, đa dạng sinh học từng bước được hoàn thiện để đảm bảo phát triển KT-XH song hành với BVMT, chủ động kiểm soát, phòng ngừa các nguy cơ ô nhiễm. Thiết lập hàng rào kỹ thuật quy chuẩn, tiêu chuẩn để ngăn ngừa công nghệ lạc hậu chuyển dịch vào Việt Nam. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xác định các giải pháp tổng thể, đồng bộ để quản lý chất thải rắn, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn xã hội trong giảm thiểu rác thải nhựa. Triển khai kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí; BVMT lưu vực sông. Đẩy nhanh tiến độ xử lý triệt để của các cơ sở, làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Nâng cao chất lượng dự báo để các Bộ, ngành, địa phương chủ động phương án sản xuất, kinh doanh; đề xuất các giải pháp chiến lược để chủ động trong ứng phó với BĐKH.

5.1. Nâng cao chất lượng công tác dự báo phục vụ nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội. Dự báo xu thế thời tiết đến 10 ngày cho các khu vực, dự báo chi tiết thời tiết điểm đặc trưng cho từng thành phố, huyện, thị xã trên cả nước. Nâng thời hạn dự báo bão, ATNĐ thêm 1-2 ngày so với quy định. Thực hiện dự báo mưa lớn định lượng, xây dựng bản đồ mưa độ phân giải 5x5km. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thủy văn để chủ động phòng tránh thiên tai góp phần giảm thiệt hại về người và vật chất.

5.2. Chủ động đề xuất, thúc đẩy việc triển khai các quyết sách có tính hệ thống, chiến lược về ứng phó với BĐKH. Tổ chức thành công Hội nghị đánh giá kết quả hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg để tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong hành động của các cấp, các ngành, địa phương và người dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết. Triển khai điều tra, đánh giá sụt lún đất, hoàn thiện kịch bản BĐKH và đề xuất giải pháp thích ứng; khảo sát, nghiên cứu khảo sát, đánh giá một số nguyên nhân sạt lở bờ biển, đề xuất các giải pháp phòng chống, đặc biệt đối với các điểm cấp bách, nguy hiểm. Giám sát các yếu tố KTTV, hải văn, biến động bùn cát. Nghiên cứu giải pháp và triển khai chuyển đổi sản xuất quy mô lớn với mô hình kinh tế phù hợp với tự nhiên; giải quyết xung đột giữa các mô hình kinh tế.

6. Thiết lập hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho công tác đo đạc và bản đồ, viễn thám. Trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đo đạc và bản đồ. Phối hợp với Bộ ngoại giao hoàn thành công tác kỹ thuật phân giới, cắm mốc tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác. Hiện đại hóa mạng lưới độ cao quốc gia tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển; hoàn chỉnh Hệ quy chiếu, hệ tọa độ quốc gia Việt Nam, hệ tọa độ quốc gia 3D. Trình Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2040 làm cơ sở cho đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám

trong phát triển KT-XH, quản lý tài nguyên, BVMT, giám sát lãnh thổ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được: toàn ngành đã đạt được những chỉ tiêu cơ bản đặt ra, các kết quả trên đã có những đóng góp quan trọng cho việc hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu tăng trưởng, bao gồm: đóng góp cho ngân sách trực tiếp thông qua các nguồn thu từ đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, gián tiếp thông qua việc kiểm soát tốt các vấn đề môi trường đối với các dự án lớn, đơn giản hoá thủ tục hành chính, sớm tạo mặt bằng cho triển khai các dự án; giảm thiểu thiệt hại cho nền kinh tế thông qua việc làm tốt công tác dự báo khí tượng thuỷ văn; nâng cao nhận thức của người dân về BVMT nói chung và đặc biệt là hạn chế rác thải nhựa.

2. Tồn tại, hạn chế và thách thức: Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng nhưng công tác quản lý TN&MT vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và những thách thức cần phải vượt qua như: Một số điểm nghẽn, vướng mắc, xung đột trong các Luật dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực thi ở địa phương. Số vụ việc khiếu kiện về đất đai phải giải quyết có giảm nhưng chủ yếu là các vụ việc tồn đọng phức tạp, kéo dài, đã qua nhiều cấp giải quyết, hồ sơ, giấy tờ tài liệu không đầy đủ. Tình trạng suy giảm, suy thoái các nguồn tài nguyên còn xảy ra ở nhiều nơi. Tài nguyên nước của Việt Nam về cả số lượng và chất lượng đều đang đối mặt với những đe dọa ngày càng lớn; hiệu quả sử dụng nước còn ở mức thấp. Chất lượng môi trường nước tại một số đoạn trên các lưu vực sông lớn vẫn bị ô nhiễm. Lượng chất thải rắn phát sinh tiếp tục gia tăng, tỉ lệ được tái sử dụng, tái chế còn thấp; chất lượng môi trường không khí tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh giảm, nhất là tại một số thời điểm trong ngày và một số ngày trong năm. Năm 2019, nhiều vụ việc ô nhiễm môi trường phát sinh trên thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống dân sinh. BĐKH ngày càng phức tạp, khó lường, các hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng; sạt lở bờ sông, ven biển xảy ra nghiêm trọng ở một số tỉnh ĐBSCL, miền Trung ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân.

Phần thứ hai: NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

Năm 2020 là năm “về đích” hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường của giai đoạn 2016 - 2020, tạo nền tảng cho các mục tiêu dài hạn hơn đến năm 2030, 2045. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến rất nhanh, phức tạp; cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia, đối tác lớn thay đổi, điều chỉnh chính sách sẽ tác động trực tiếp đến thu hút đầu tư, nhu cầu sử dụng tài nguyên. Các nước ngày càng chú trọng hàng rào kỹ thuật về môi trường, cùng với nền kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn dẫn đến nguy cơ chuyển dịch công nghệ lạc hậu, kém thân thiện với môi trường vào Việt Nam. Ở trong nước, với môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và hệ thống kết cấu hạ tầng đang được hoàn thiện sẽ thu hút đầu tư trong và ngoài nước dẫn đến nhu cầu về các nguồn tài nguyên sẽ gia tăng, tác động đến môi trường. Dự báo trong thời gian tới, BĐKH, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo do tính thất thường, cực đoan. Tình trạng thiếu nước sẽ xảy ra ở ngay cả khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.. Để thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, ngành TN&MT

đặt quyết tâm cao để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; tiếp tục đổi mới tư duy hành động; chủ động, sáng tạo trong công tác điều hành; dự báo, phản ứng chính sách kịp thời để vượt qua khó khăn, thách thức tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác quản lý sử dụng tài nguyên, chủ động trong công tác BVMT và ứng phó với BĐKH đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, cụ thể là:

1. Tập trung triển khai các khâu đột phá then chốt nhất là về thể chế, chính sách, pháp luật, khoa học công nghệ, hạ tầng dữ liệu gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy.

1.1. Tạo đột phá trong thể chế, chính sách, pháp luật về BVMT, quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH. Sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quan điểm của Đảng về BVMT, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đưa môi trường cùng với kinh tế, xã hội là ba trụ cột trung tâm của phát triển, đưa công tác BVMT sang giai đoạn mới, từng bước xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, coi rác thải là tài nguyên. Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai nhằm quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển.

Tập trung triển khai công tác lập quy hoạch đảm bảo các định hướng lớn, định hình không gian phát triển của đất nước với tầm nhìn dài hạn kết nối với quy hoạch để tạo sự liền mạch, phát huy tiềm năng thế mạnh về tài nguyên cho phát triển bền vững, mở cửa hội nhập, quản lý tốt không gian ngầm và chiều cao.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử. Tập trung chuyển đổi số ngành TN&MT, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin, cung cấp chia sẻ thông tin dữ liệu, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường cho người dân, qua đó nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, từng bước giảm giấy tờ trong điều hành, hiện đại hóa nền hành chính.

1.3. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng không gian địa lý, các cơ sở dữ liệu TN&MT nền tảng phục vụ phát triển kinh tế số, xây dựng Chính phủ điện tử. Mở rộng cung cấp dịch vụ định vị chính xác cho các hoạt động kinh tế, xã hội, quản lý lãnh thổ, phát triển đô thị thông minh. Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI). Hoàn thành việc hiện đại hóa hệ tọa độ quốc gia, hệ độ cao quốc gia công bố hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia. Xây dựng các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin về TN&MT, chia sẻ, kết nối liên thông từ giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương; đảm bảo thuận lợi trong tiếp cận thông tin của người dân; tạo lập nền tảng thông tin, dữ liệu tiên tiến xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số.

1.3. Ứng dụng mạnh công nghệ viễn thám trong giám sát và quản lý tài nguyên, môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ: giám sát một số vùng biển, đảo trọng điểm xa bờ bằng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển KT-XH và bảo đảm an ninh quốc phòng. Lập trạm Dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh (ASEAN - Ấn Độ). Từng bước xây dựng các quy định về hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của xã hội.

1.4. Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực tạo đột phá trong phát triển ngành. Thực hiện đầu thầu đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đặt ra của ngành. Ứng dụng công nghệ thông tin, internet kết nối vạn vật trong quản lý TN&MT; giám sát thông minh, tự động hóa trong quan trắc mức độ ô nhiễm, các yếu tố môi trường như nước thải, không khí, áp dụng trong dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn kết nối mặt đất với vệ tinh. Chuyển đổi các nguồn năng lượng sử dụng nguyên liệu hóa thạch sạch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch. Ứng dụng rộng rãi công nghệ xử lý chất thải rắn theo hình thức đốt rác phát điện, kết hợp thu hồi năng lượng, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học trong khôi phục, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

1.5. Tăng cường năng lực cán bộ, kỷ luật kỷ cương hành chính, đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, tuyên truyền nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia của xã hội trong quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, chú trọng tăng cường năng lực cho cấp địa phương. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, đảm bảo quản lý thống nhất của Trung ương và chủ động của địa phương. Chủ động hợp tác và hội nhập, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, xây dựng chính sách phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành. Chuẩn bị các hoạt động của ngành trong năm Việt Nam đảm nhiệm Chủ tịch ASEAN. Tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về TN&MT; phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan báo chí, người dân; thay đổi thói quen tiêu dùng của xã hội, giảm thiểu việc sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần, xây dựng ý thức BVMT trở thành nếp sống, văn hoá trong cộng đồng dân cư.

2. Thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết cơ bản các điểm nóng phát sinh về khiếu nại, tố cáo. Tập trung thanh tra đối với các dự án đầu tư để lãng phí, hoang hóa đất đai, quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường, việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở xử lý chất thải nguy hại... Phối hợp tốt trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra hàng năm giữa các cơ quan ở Trung ương và các địa phương để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp kéo dài.

3. Tập trung thực hiện các giải pháp để nguồn lực tài nguyên được giải phóng tối đa, phân bổ và sử dụng hiệu quả cho trước mắt và lâu dài.

3.1. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phân bổ quỹ đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Tập trung triển khai lập quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện sắp xếp, tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường. Đẩy nhanh tiến độ tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao. rà soát và công bố công khai các dự án vi phạm, kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chỉ số “đăng ký đất đai” và “chất lượng quản lý hành chính đất đai”.

3.2. Tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước. Lập

quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông liên tỉnh. Giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải; thực hiện các giải pháp phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn; điều hoà, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng. Nghiên cứu các giải pháp tổng thể để trữ nước trước mắt ưu tiên những vùng thường xuyên bị ảnh hưởng hạn hán. Triển khai có hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông với sự tham gia giám sát của cộng đồng. Chủ động tham mưu chủ trương, đối sách của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác Mê Công, Mê Công - Lan Thương về nguồn nước.

3.3. Phát huy giá trị địa chất, nguồn lực khoáng sản cho phát triển kinh tế đất nước. Sửa đổi Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đề nghị UNESCO công nhận công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn - Sa Huỳnh, Đăk Nông. Nghiên cứu dự báo các nguy cơ tai biến địa chất như sạt lở, sụt lún, động đất, giải pháp khai thác năng lượng từ bể than sông Hồng bằng phương pháp khí hoá.

3.4. Triển khai chiến lược phát triển kinh tế biển, tăng cường nghiên cứu khoa học và điều tra cơ bản về biển để từng bước làm chủ biển khơi. Tập trung xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai các Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW trong đó ưu tiên điều tra cơ bản, nâng cao năng lực cho các cơ quan nghiên cứu về biển, phát triển đội ngũ nhà khoa học; thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm lượng rác thải nhựa và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái..

4. Tạo chuyển biến căn bản, chủ động trong công tác quản lý, BVMT, xây dựng nền tảng pháp lý cho phát triển kinh tế tuần hoàn. Triển khai lập các Quy hoạch BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển mạng lưới quan trắc môi trường làm cơ sở phân vùng, định hướng đầu tư, phát triển các ngành kinh tế, phù hợp với ngưỡng chịu tải của môi trường. Ứng dụng công nghệ để quản lý môi trường thông minh, phát huy vai trò trung tâm của người dân, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác giám sát, thực hiện BVMT. Triển khai các giải pháp đồng bộ để xử lý, tái chế rác thải đảm bảo tối ưu về kinh tế, an toàn về xã hội và môi trường. Triển khai Kế hoạch hành động quản lý chất lượng không khí; thúc đẩy thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm các nguồn nước mặt, đảm bảo tỷ lệ KCN, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt đạt ít nhất 90%. Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao bằng công nghệ giám sát tự động. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm.

5. Đổi mới công tác dự báo, đa dạng hoá sản phẩm KTTV phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai; tập trung nghiên cứu các giải pháp tổng thể, tăng cường điều phối liên vùng trong ứng phó với BĐKH.

5.1. Đổi mới công tác dự báo, đa dạng hoá sản phẩm KTTV phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai. Nâng cao chất lượng dự báo xa; dự báo, cảnh báo kịp thời các hiện tượng thời tiết, thủy văn cực đoan, nguy hiểm phục vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Dự báo diễn biến dòng chảy, thủy văn, cảnh báo sớm chi tiết đối các đợt mưa lũ lớn để chỉ đạo vận hành an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, hồ đập, đê

điều. Thực hiện xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ dự báo KTTV. Ứng dụng công nghệ, xây dựng các mô hình, phương thức hiệu quả để truyền tin, cảnh báo thiên tai.

5.2. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tổng thể trong kế hoạch quốc gia ứng phó với BĐKH, tăng cường điều phối liên vùng, thực hiện chuyển đổi sản xuất quy mô lớn dựa vào điều kiện tự nhiên. Tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/ 2019 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Thực hiện một số dự án cấp bách về phòng chống sạt lở đê sông, đê biển và tạo sinh kế bền vững. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất quy mô lớn ở các vùng chịu tác động mạnh của BĐKH như ĐBSCL, Duyên hải Nam Trung bộ,..., để chủ động thích ứng, chuyển hóa các thách thức thành lợi thế cho phát triển, đảm bảo sinh kế bền vững cho nhân dân. Xây dựng thể chế, chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hoàn thành cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; chuẩn bị cho việc triển khai thị trường các bon.

II. KIẾN NGHỊ

Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kiến nghị Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các địa phương đánh giá đầy đủ và thực hiện linh hoạt trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy để đảm bảo các mặt công tác cho ngành. Xem xét, sớm thành lập các uỷ ban lưu vực sông.

2. Về cơ chế tài chính: Cho phép trích sử dụng nguồn thu từ khoáng sản, tài nguyên nước để phục vụ công tác điều tra cơ bản. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để triển khai những nhiệm vụ cấp bách trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc; tạo điều kiện về cơ chế, chính sách phù hợp để đẩy mạnh công tác xã hội hóa lĩnh vực KTTV. Cho phép thực hiện cơ chế Quỹ đầu tư phát triển ứng vốn tạo quỹ đất sạch để đấu giá; bố trí nguồn thu từ đất trong 5 năm để hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai./.